

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN THÀNH
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2023/HNGĐ-ST
Ngày 30 tháng 6 năm 2023
“V/việc tranh chấp về hôn nhân gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THÀNH - TỈNH NGHỆ AN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm bao gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Anh Ngọc

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Tường – Ông Hồ Sỹ Cường

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thành - tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thành - tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Trong ngày 30 tháng 6 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 187/2023/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2023, về Tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 123/2023/QĐST-HNGĐ ngày 29/5/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 24/2023/QĐ-HPT ngày 14/6/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị X, sinh ngày 28/12/1992.

Nơi cư trú: xóm 7, xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An

Tạm trú tại: khối 1, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

(Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Anh Phan Văn D, sinh ngày 16/8/1990.

Nơi cư trú: xóm 7, xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

(Vắng mặt lần thứ 2 tại phiên tòa không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, trình bày tại bản khai và trình bày của nguyên đơn thì vụ án có nội dung.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị X và Anh Phan Văn D tổ chức cưới vào tháng 12/2012. Trước khi kết hôn anh chị có quá trình tìm hiểu, hôn nhân trên cơ sở tình yêu và sự tự nguyện, tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương được sự đồng ý của hai gia đình. Chị X, anh D đã đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 100 ngày 11/12/2012. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2018, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do Anh D không có ý thức xây dựng hôn

nhân bền vững thiếu trách nhiệm đối với vợ con, không chịu làm ăn, mọi việc lớn nhỏ trong gia đình đều một mình vợ lo liệu. Ngoài ra Anh D còn có biểu hiện nghiện ngập ma túy dẫn đến nghiện ma túy lúc nào không hay. Chị X thấy hôn nhân giữa chị và anh D bất ổn khó duy trì hôn nhân đối với nhau, nên Chị X đã về ngoại tại thị trấn Y, huyện Y sống ly thân cắt đứt các quan hệ đối với Anh D từ năm 2018 đến nay. Quá trình sống ly thân vợ chồng không liên lạc để níu kéo hôn nhân, Chị X xác định hôn nhân giữa chị và anh D đã đổ vỡ, dù có hòa giải đến đâu thì chị cũng thể hàn gắn đoàn tụ. Chị X đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn Anh Phan Văn D.

-Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Phan Thục Q; (Giới tính: nữ), sinh ngày 11/10/2012 và cháu Phan Bảo N (Giới tính: Nam), sinh ngày 06/02/2015. Từ ngày vợ chồng sống ly thân con chung đang do chị X và bên ngoại trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, Anh D không có trách nhiệm gì trong việc nuôi con chung. Ly hôn chị X đề nghị Tòa giao hai con chung cho chị được trực tiếp chăm sóc nuôi vì con chung có mong muốn và nguyện vọng được sinh sống với mẹ, chị không yêu cầu Anh D cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về quan hệ tài sản chung: Chị Nguyễn Thị X không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn Anh Phan Văn D, Tòa án niêm yết, tổng hợp lệ các văn bản tố tụng, yêu cầu anh có mặt tại tòa án để giải quyết vụ án, nhưng anh không hợp tác, cố tình vắng mặt, tòa án không thu thập được ý kiến, lời khai của bị đơn. Song qua các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và xác minh tình trạng hôn nhân, con chung chưa thành niên tại địa phương thì về quan hệ hôn nhân, quan hệ con chung giữa Chị Nguyễn Thị X và Anh Phan Văn D cơ bản đúng như nguyên đơn đã trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn có nơi cư trú tại huyện Y, tỉnh Nghệ An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, qui định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng, yêu cầu nguyên đơn, bị đơn có mặt tại tòa án để giải quyết, nhưng bị đơn anh Phan Văn D không chấp hành, không hợp tác. Do đó Tòa án đã lập biên bản theo trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự làm cơ sở để giải quyết vụ án.

Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy báo tham gia phiên tòa lần thứ nhất đã được tổng đạt, niêm yết hợp lệ cho các đương sự. Tại phiên tòa lần thứ nhất nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử đã Quyết định hoãn phiên tòa, ấn định về thời gian tiếp tục xét xử vụ án. Tòa án tiếp tục tổng đạt niêm yết hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy báo tham gia phiên tòa lần thứ hai cho các đương sự. Tại phiên tòa lần thứ nguyên đơn vắng mặt

có lý do có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn tiếp tục vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228; Điểm a, b Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn.

[2] Nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Điều kiện kết hôn, trình tự thủ tục tiến tới hôn nhân giữa Chị Nguyễn Thị X, Anh Phan Văn D đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Chị X, Anh D tự nguyện tiến tới hôn nhân, đã làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 100 ngày 11/12/2012., nên xác định hôn nhân của Chị Nguyễn Thị X và Anh Phan Văn D là hôn nhân hợp pháp.

Mâu thuẫn cơ bản dẫn đến hôn nhân giữa Chị X, Anh D tan rã, đổ vỡ là do quá trình sống vợ chồng không tìm được tiếng nói, lối đi chung hôn nhân, Anh D, thiếu trách nhiệm với gia đình, nhất là trong việc phát triển kinh tế và nuôi dạy con chung. Xác định đã mất hết tình cảm, tình yêu đối với Anh D, hôn nhân đổ vỡ không thể hàn gắn, nên Chị X về ngoại sống ly thân cắt đứt các quan hệ đối với Anh D từ năm 2018 cho đến nay. Quá trình sống ly thân vợ chồng không hòa giải, níu kéo hôn nhân. Từ đó cho thấy hôn nhân giữa Chị X, Anh D đã thực sự tan rã, đổ vỡ, sợi dây gắn kết tình cảm, mục đích hôn nhân không còn. Chị X yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn Anh D là có căn cứ, cần áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình xử cho Chị Nguyễn Thị X được ly hôn Anh Phan Văn D.

- Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 02 con chung, từ ngày vợ chồng sống ly thân con được Chị X trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, Anh D không có trách nhiệm vật chất đối với con chung. Mặc dù không có sự hỗ trợ của Anh D về tiền bạc, nhưng Chị X đã dạy con tốt, con phát triển tốt về mọi mặt, Chị X nghị giao hai con chung cho chị nuôi là đúng, phù hợp với pháp luật và đạo đức xã hội, phù hợp với nguyện vọng con chung, do đó cần áp dụng Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, xử chấp nhận về việc đề nghị giao nuôi con của Chị Nguyễn Thị X.

Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị X không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung, nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho Anh D cho đến lúc có yêu cầu.

- Về quan hệ tài sản: Chị Nguyễn Thị X không yêu cầu tòa giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Buộc Chị Nguyễn Thị X phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xử:

1. Về quan hệ tình cảm: Chị Nguyễn Thị X được ly hôn Anh Phan Văn D.

2. Về quan hệ con chung:

Giao hai con chung cháu Phan Thục Q; (Giới tính: nữ), sinh ngày 11/10/2012 và cháu Phan Bảo N (Giới tính: Nam), sinh ngày 06/02/2015 cho Chị Nguyễn Thị X trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho Anh Phan Văn D vì Chị Nguyễn Thị X không yêu cầu.

Anh Phan Văn D người không trực tiếp nuôi con chung được quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở, ngăn cấm.

Vì lợi ích của con các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Áp dụng điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự: Điều 26: Điều 27 của nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

- Buộc: Chị Nguyễn Thị X nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền án phí ly hôn sơ thẩm Chị X phải nộp được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An theo biên lai nộp tiền số: 0000775 ngày 18/4/2023, Chị X đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo lên tòa án cấp phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án do Tòa án tổng đạt hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự,
- VKSND H. Yên Thành.
- CC THA DS H. Yên Thành.
- TAND tỉnh Nghệ An
- VKSND tỉnh Nghệ An
- Lưu HSVA
- UBND xã Đ (Nơi ĐKKH)

**TM: HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Vũ Anh Ngọc